

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**KHO VẠN TÂN CẢNG**

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 39

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (sau đây gọi là “nhóm Công ty”).

**Khái quát về Công ty**

Công ty là công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309532497, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 07 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do thay đổi địa chỉ, bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ, trong đó lần thứ 07 vào ngày 01 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ.

Vốn điều lệ của Công ty: 199.910.200.000 đồng.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 37 423 929
- Fax : 028 37 423 029
- E-mail : khovantancang@saigonnewport.com.vn

**Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:**

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Trịnh Văn Mọi	Ủy viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Quang Thảo	Ủy viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Đoàn Phi	Ủy viên	Ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Đỗ Xuân Minh	Ủy viên	Ngày 01 tháng 3 năm 2019

**Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021
Bà Mai Thị Trâm	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021
Ông Ngô Đa Nghiê Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Quang Thảo	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Đoàn Phi	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Duy Thanh	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Quang Thảo – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018).

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của nhóm Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Trần Quang Thảo

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam  
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn  
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam  
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn  
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam  
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0162/22/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “nhóm Công ty”), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>377.629.513.296</b>	<b>402.085.279.278</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>122.554.846.979</b>	<b>165.025.053.750</b>
1. Tiền	111		35.553.841.959	31.875.053.750
2. Các khoản tương đương tiền	112		87.001.005.020	133.150.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>107.000.000.000</b>	<b>68.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	107.000.000.000	68.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>133.896.799.983</b>	<b>153.622.353.932</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	124.012.058.326	133.807.650.426
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	7.574.959.131	15.180.101.130
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	8.479.979.411	8.873.596.258
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(6.170.196.885)	(4.238.993.882)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.698.059.931</b>	<b>3.723.551.855</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	4.698.059.931	3.723.551.855
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.479.806.403</b>	<b>11.714.319.741</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	9.360.310.952	11.355.167.162
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		106.837.810	346.494.938
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	12.657.641	12.657.641
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>233.320.147.310</b>	<b>250.233.372.313</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>6.755.256.000</b>	<b>13.510.512.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	6.755.256.000	13.510.512.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>210.415.796.822</b>	<b>203.297.277.377</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	203.514.090.171	199.287.170.460
<i>Nguyên giá</i>	222		747.460.244.447	687.488.235.097
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(543.946.154.276)	(488.201.064.637)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6.901.706.651	4.010.106.917
<i>Nguyên giá</i>	228		14.204.530.146	9.997.110.930
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.302.823.495)	(5.987.004.013)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.168.907.850</b>	<b>27.406.056.834</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	2.168.907.850	27.406.056.834
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.980.186.638</b>	<b>6.019.526.102</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	12.914.539.860	5.353.142.036
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	1.065.646.778	666.384.066
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>610.949.660.606</b>	<b>652.318.651.591</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>271.932.346.357</b>	<b>295.423.454.948</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>201.894.254.579</b>	<b>211.938.740.780</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	67.142.570.653	85.378.620.860
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.375.000	51.150.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	10.800.131.791	9.241.340.954
4. Phải trả người lao động	314		36.571.774.628	41.658.197.018
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	8.139.185.449	4.016.657.965
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	13.568.065.044	12.481.200.179
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	20.893.920.814	28.926.800.008
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	44.737.231.200	30.184.773.796
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>70.038.091.778</b>	<b>83.484.714.168</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	8.669.612.981	8.864.612.981
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	61.368.478.797	74.620.101.187
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>339.017.314.249</b>	<b>356.895.196.643</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>339.017.314.249</b>	<b>356.895.196.643</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.910.200.000	199.910.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		199.910.200.000	199.910.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		62.888.443.664	41.417.969.445
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.560.774.278	85.934.058.098
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.036.811.131	85.934.058.098
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		40.523.963.147	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		29.657.896.307	29.632.969.100
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>610.949.660.606</b>	<b>652.318.651.591</b>

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên



Trần Quang Thảo

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	800.514.379.352	768.721.495.771
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		800.514.379.352	768.721.495.771
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	632.226.471.321	601.215.883.344
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		168.287.908.031	167.505.612.427
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.232.889.139	8.458.354.647
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.135.747.320	7.429.919.079
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.003.552.625	7.311.698.050
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	9.424.337.804	10.641.387.969
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	60.306.210.025	57.627.283.246
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		100.654.502.021	100.265.376.780
12. Thu nhập khác	31	VI.7	554.668.449	659.883.455
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.486.269.590	1.732.587.490
14. Lợi nhuận khác	40		(931.601.141)	(1.072.704.035)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		99.722.900.880	99.192.672.745
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		23.528.459.866	20.896.064.346
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(399.262.712)	236.865.632
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		76.593.703.726	78.059.742.767
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		71.535.050.918	72.542.078.737
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.058.652.808	5.517.664.030
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.404	1.838
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.404	1.838

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên



Trần Quang Thảo

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		99.722.900.880	99.192.672.745
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.11	51.668.364.416	60.734.303.590
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	1.931.203.003	873.781.006
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	32.028.363	9.010.662
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(8.137.857.193)	(8.370.511.260)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6.003.552.625	7.311.698.050
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		151.220.192.094	159.750.954.793
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		23.777.883.269	(11.395.137.217)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(974.508.076)	(1.262.501.231)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(22.369.213.835)	31.691.587.523
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.566.541.614)	(1.203.375.858)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.020.284.615)	(7.331.060.411)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(21.733.510.641)	(19.585.598.734)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18	74.000.000	201.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(23.646.476.716)	(18.058.599.886)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>94.761.539.866</b>	<b>132.807.268.979</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(29.079.179.898)	(35.072.800.823)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	27.829.034
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(70.000.000.000)	(68.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		31.000.000.000	30.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.980.254.935	8.409.657.572
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(60.098.924.963)</b>	<b>(64.635.314.217)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.17	17.160.701.632	20.796.938.373
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.17	(38.445.203.216)	(43.043.746.739)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(55.825.013.000)	(43.023.893.747)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(77.109.514.584)</i>	<i>(65.270.702.113)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(42.446.899.681)</b>	<b>2.901.252.649</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60 V.1</b>	<b>165.025.053.750</b>	<b>162.134.598.922</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(23.307.090)	(10.797.821)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70 V.1</b>	<b>122.554.846.979</b>	<b>165.025.053.750</b>

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Trần Quang Thảo

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ảnh hưởng về tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc không thể ước tính được một cách hợp lý các ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

##### 6. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### 6a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong năm, nhóm công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 6b. Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,5%	57,5%	57,5%	57,5%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	51%	51%	51%	51%

### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, nhóm Công ty và công ty con có 655 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 646 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các công ty con khác thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và công ty con các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và các công ty con với ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của nhóm Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

#### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và các công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty và các công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty và các công ty con chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 10

### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của nhóm Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### 13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

#### *Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Nhóm Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà nhóm Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà nhóm Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

### 14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty và công ty con.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 15. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

### 16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### 19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.718.015.620	232.097.433
Tiền gửi ngân hàng	32.835.826.339	31.642.956.317
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	87.001.005.020	133.150.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>122.554.846.979</u></b>	<b><u>165.025.053.750</u></b>

### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 01 năm lãi suất từ 3,85% - 4,65%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>66.612.819.878</b>	<b>71.227.382.672</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	59.340.681.323	60.175.919.797
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	7.326.290	617.663.420
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	416.091.000	209.199.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	175.909.565	219.367.455
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	6.617.350.200	9.805.373.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	55.461.500	195.540.000
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>57.399.238.448</b>	<b>62.584.587.754</b>
<b>Cộng</b>	<b>124.012.058.326</b>	<b>133.807.650.426</b>

**4. Trả trước cho người bán****4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>7.574.959.131</b>	<b>15.180.101.130</b>
Công ty TNHH Hiệp Lực <sup>(*)</sup>	6.755.256.000	6.755.256.000
Công ty Cổ phần Xây dựng T.C.O.N.S	-	2.393.000.000
Công ty Cổ phần Unico Vina	-	2.997.000.000
Các nhà cung cấp khác	819.703.131	3.034.845.130
<b>Cộng</b>	<b>7.574.959.131</b>	<b>15.180.101.130</b>

**4b. Trả trước cho người bán dài hạn**

Là khoản trả trước tiền thuê cơ sở hạ tầng cho Công ty TNHH Hiệp Lực (Xem thuyết minh VII.2)

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.622.957.976</b>	-	<b>606.957.976</b>	-
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Tiền ăn ca, phí làm hàng	1.622.957.976	-	606.957.976	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>6.857.021.435</b>	-	<b>8.266.638.282</b>	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.428.506.370	-	1.270.904.112	-
Ký cược, ký quỹ	306.400.000	-	641.400.000	-
Tạm ứng	1.466.320.097	-	3.539.331.862	-
Các khoản chi hộ	3.187.000.974	-	2.368.021.004	-
Các khoản phải thu khác	468.793.994	-	446.981.304	-
<b>Cộng</b>	<b>8.479.979.411</b>	-	<b>8.873.596.258</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH TMDV Hải Lưu	> 3 năm	516.997.000	(516.997.000)	2 - < 3 năm	516.997.000	(361.897.900)
Công ty TNHH Innopack Việt Nam	> 3 năm	2.972.614.417	(2.972.614.417)	> 3 năm	2.650.575.000	(2.650.575.000)
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hiệp Toàn	> 3 năm	721.400.000	(721.400.000)		-	-
Công ty Cổ phần Thương mại MDK	1 - < 2 năm	273.920.000	(136.960.000)	< 1 năm	414.835.000	(124.450.500)
Các khách hàng khác	> 3 năm	1.490.086.981	(1.490.086.981)	> 3 năm	711.436.982	(711.436.982)
	2 - < 3 năm	89.120.000	(62.384.000)	2 - < 3 năm	410.482.000	(287.337.400)
	1 - < 2 năm	516.234.935	(258.117.467)	1 - < 2 năm	194.573.000	(103.296.100)
	< 1 năm	38.790.065	(11.637.020)	< 1 năm	-	-
<b>Cộng</b>		<b>6.619.163.398</b>	<b>(6.170.196.885)</b>		<b>4.898.898.982</b>	<b>(4.238.993.882)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.238.993.882	3.365.212.876
Trích lập dự phòng bổ sung	2.361.154.086	873.781.006
Hoàn nhập dự phòng	(429.951.083)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.170.196.885</b>	<b>4.238.993.882</b>

**7. Hàng tồn kho**

Là nguyên liệu, vật tư, phụ tùng để phục vụ sửa chữa, thay thế.

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	3.193.819.864	2.587.728.086
Chi phí sửa chữa	667.875.288	2.018.100.336
Chi phí bảo hiểm	4.748.992.225	4.677.349.000
Chi phí khác	749.623.575	2.071.989.740
<b>Cộng</b>	<b>9.360.310.952</b>	<b>11.355.167.162</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.007.649.326	1.716.435.180
Chi phí sửa chữa	10.183.331.151	3.369.869.828
Chi phí khác	723.559.383	266.837.028
<b>Cộng</b>	<b>12.914.539.860</b>	<b>5.353.142.036</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quân lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	Nguyên giá	138.009.475.511	258.409.109.350	235.694.830.089	4.985.548.470	50.389.271.677
Số đầu năm	-	19.949.136.182	-	-	3.049.532.000	22.998.668.182
Mua trong năm	32.579.602.588	-	-	-	4.474.061.307	37.053.663.895
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	(80.322.727)	-	(80.322.727)
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>170.589.078.099</b>	<b>278.358.245.532</b>	<b>235.694.830.089</b>	<b>4.905.225.743</b>	<b>57.912.864.984</b>	<b>747.460.244.447</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.922.613.962	98.613.478.901	125.505.440.293	4.728.335.743	25.554.200.556	303.324.069.455
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	70.993.525.445	188.144.559.341	183.209.254.188	4.793.823.524	41.059.902.139	488.201.064.637
Khấu hao trong năm	11.621.497.086	18.948.271.047	19.895.143.542	73.798.270	5.286.702.421	55.825.412.366
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	(80.322.727)	-	(80.322.727)
<b>Số cuối năm</b>	<b>82.615.022.531</b>	<b>207.092.830.388</b>	<b>203.104.397.730</b>	<b>4.787.299.067</b>	<b>46.346.604.560</b>	<b>543.946.154.276</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	67.015.950.066	70.264.550.009	52.485.575.901	191.724.946	9.329.369.538	199.287.170.460
<b>Số cuối năm</b>	<b>87.974.055.568</b>	<b>71.265.415.144</b>	<b>32.590.432.359</b>	<b>117.926.676</b>	<b>11.566.260.424</b>	<b>203.514.090.171</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng, chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 101.283.325.013 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy vi tính.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	9.997.110.930	(5.987.004.013)	4.010.106.917
Mua trong năm	4.207.419.216	-	4.207.419.216
Khấu hao trong năm	-	(1.315.819.482)	(1.315.819.482)
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.204.530.146</b>	<b>(7.302.823.495)</b>	<b>6.901.706.651</b>

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 3.768.631.800 VND.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	26.946.087.398	(26.946.087.398)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	27.406.056.834	11.935.257.226	(37.053.663.895)	(118.742.315)	2.168.907.850
Công trình nhà kho 2 tầng tại Cảng Cát Lái	2.180.422.892	-	-	(118.742.315)	2.061.680.577
Công trình kho 6	25.225.633.942	11.935.257.226	(37.053.663.895)		107.227.273
<b>Cộng</b>	<b>27.406.056.834</b>	<b>38.881.344.624</b>	<b>(63.999.751.293)</b>	<b>(118.742.315)</b>	<b>2.168.907.850</b>

Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 51.218.461 VND (năm trước là 54.063.771 VND).

**12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại****12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	666.384.066	903.249.698
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	399.262.712	(236.865.632)
Phát sinh trong năm	1.065.646.778	666.384.066
Hoàn nhập trong năm	(666.384.066)	(903.249.698)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.065.646.778</b>	<b>666.384.066</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%)

**12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>17.742.658.325</b>	<b>42.077.176.975</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.989.337.587	31.508.619.772
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	5.882.608.499	5.503.410.767
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	6.633.567.076	1.396.182.018
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	106.733.500	123.990.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	49.784.725	48.159.936
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	277.277.540	325.219.950
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.026.518.001	1.366.670.600
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	19.452.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	38.085.300	70.456.100
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	354.286.350	272.789.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	157.730.000	602.265.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	3.374.800	7.749.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	1.045.310.946	561.574.619
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng	-	285.445.713
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	-	4.644.000
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	19.995.001	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	135.997.000	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng Cái Mép	2.600.000	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>49.399.912.328</b>	<b>43.301.443.885</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>67.142.570.653</u></b>	<b><u>85.378.620.860</u></b>

Nhóm Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.203.393.572	-	34.759.324.436 (35.737.713.088)	-	1.225.004.920	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.568.806.133	-	23.528.459.866 (21.733.510.641)	-	7.363.755.358	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ cho bên liên doanh	465.806.151	-	931.473.208 (465.806.151)	-	931.473.208	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.003.335.098	-	7.239.109.162 (6.962.545.955)	-	1.279.898.305	-
Các loại thuế khác	-	-	16.997.209 (16.997.209)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	12.657.641	-	-	-	12.657.641
<b>Cộng</b>	<b><u>9.241.340.954</u></b>	<b><u>12.657.641</u></b>	<b><u>66.475.363.881 (64.916.573.044)</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>10.800.131.791</u></b>	<b><u>12.657.641</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty và các công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và các công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty và các công ty con kê khai và nộp theo quy định.

### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>792.112.896</b>	<b>2.059.644.719</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền ăn ca, nâng hạ, sử dụng điện nước	460.263.683	2.002.045.501
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng - Chi phí xăng dầu	5.494.619	57.599.218
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOST- Cát Lái - Chi phí mua thực phẩm	326.354.594	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>7.347.072.553</b>	<b>1.957.013.246</b>
Chi phí lãi vay phải trả	61.172.890	77.904.880
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	3.106.199.780	584.499.877
Chi phí cho người lao động	1.184.506.320	773.035.840
Trích trước chi phí xây dựng Kho CFS 01	2.303.217.658	-
Chi phí hoa hồng nâng hạ	297.726.818	422.924.591
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	394.249.087	98.648.058
<b>Cộng</b>	<b><u>8.139.185.449</u></b>	<b><u>4.016.657.965</u></b>

### 16. Phải trả khác

#### 16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>3.725.892.827</b>	<b>3.858.499.576</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Lãi hợp tác kinh doanh	3.725.892.827	3.858.499.576
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>9.842.172.217</b>	<b>8.622.700.603</b>
Kinh phí công đoàn	1.060.040.455	1.004.330.500
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.670.208.242	1.630.339.229
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.506.546.342	1.584.375.102
Cổ tức phải trả	2.549.819.350	2.028.180.350
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.055.557.828	2.375.475.422
<b>Cộng</b>	<b><u>13.568.065.044</u></b>	<b><u>12.481.200.179</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****16b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>8.621.612.981</b>	<b>8.621.612.981</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Phải trả về vốn góp hợp tác kinh doanh (*)	8.621.612.981	8.621.612.981
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>48.000.000</b>	<b>243.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	48.000.000	243.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.669.612.981</b>	<b>8.864.612.981</b>

(\*) Là khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái (Công ty con) với Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Tân Cảng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh mua cầu khung để cho thuê ngày 09 tháng 6 năm 2015, thời hạn hợp tác kinh doanh là 11 năm. Tỷ lệ vốn góp của Công ty con là 40%, lợi nhuận hàng tháng sẽ được xác định sau khi được hạch toán tất cả các phí quản lý liên quan đến vận hành cầu và chi phí trả lãi và gốc trên vốn vay ngân hàng cũng như hoàn tất các khoản nghĩa vụ đối với Nhà nước, lợi nhuận còn lại sẽ được chia đều theo tỷ lệ vốn góp của mỗi bên.

**16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Nhóm Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**17. Vay****17a. Vay ngắn hạn**

Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả, bao gồm: (Xem thuyết minh V.17b)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú	17.070.509.580	28.926.800.008
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	3.010.291.234	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	813.120.000	-
<b>Cộng</b>	<b>20.893.920.814</b>	<b>28.926.800.008</b>

Công ty và công ty con có khả năng trả được các khoản vay dài hạn đến hạn trả.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

Số đầu năm	28.926.800.008
Kết chuyển từ vay dài hạn	20.893.920.814
Số tiền vay đã trả trong năm	(28.926.800.008)
<b>Số cuối năm</b>	<b>20.893.920.814</b>

**17b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú <sup>(i)</sup>	40.054.251.399	66.643.164.187
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	18.061.747.398	7.976.937.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm <sup>(iii)</sup>	3.252.480.000	-
<b>Cộng</b>	<b>61.368.478.797</b>	<b>74.620.101.187</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú bao gồm:

- Công ty mẹ vay theo các hợp đồng vay trong năm 2014 để mua sắm 02 cầu RTG. Thời hạn vay 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất trong năm từ 7,1% đến 8,6%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ khoản vay (xem thuyết minh số V.9).
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái (Công ty con) vay theo các hợp đồng vay trong năm 2015 và năm 2018 để mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 60 tháng đến 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất thả nổi, biến động trong năm từ 6,6%/năm đến 8,6%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ vốn vay.
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực (Công ty con) vay theo các hợp đồng đã ký kết năm 2019 và năm 2020 để đầu tư các tài sản cố định (xe đầu kéo, cầu gập container, xe nâng,...), thời hạn vay từ 48 tháng đến 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ. Lãi suất các khoản vay được quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Công ty mẹ vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 27565/20MN/HĐTD ngày 28 tháng 10 năm 2020 để xây dựng kho CFS số 6 tại Cảng Cát Lái. Lãi suất khoản vay năm đầu: 9,3%/năm (cố định). Từ năm thứ 2 trở đi: Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động KHDN kỳ hạn 12 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ của HDBank (loại 1) + biên độ 2,2%/năm, lãi suất cho vay tối thiểu 9%/năm (Lãi suất cho vay điều chỉnh 03 tháng/lần). Tài sản đảm bảo bao gồm: Công trình xây dựng trên đất và quyền khai thác CTXD hình thành từ dự án xây dựng kho chứa hàng CFS giai đoạn 2 (Kho 6) của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và toàn bộ lợi ích phát sinh từ dự án này; Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19/11/2010 và các phụ lục kèm theo tương ứng với diện tích cơ sở hạ tầng dùng để đầu tư kho CFS giai đoạn 2 (kho số 6) ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 01 năm (khoản vay được bắt đầu trả nợ từ năm 2022).

(iii) Công ty mẹ vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Thủ Thiêm theo hợp đồng tín dụng số 233/VCB.TT/21DH ngày 02 tháng 12 năm 2021 để đầu tư 04 Xe Nâng điện Reach Truck. Lãi suất ưu đãi 24 tháng đầu tiên là 7,6%/năm, sau thời gian ưu đãi là lãi suất cơ sở cộng biên độ 2,8%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	20.893.920.814	28.926.800.008
Trên 1 năm đến 5 năm	55.347.896.229	71.201.413.905
Trên 5 năm	6.020.582.568	3.418.687.282
<b>Cộng</b>	<b>82.262.399.611</b>	<b>103.546.901.195</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	74.620.101.187	90.351.339.193
Số tiền vay phát sinh	17.160.701.632	13.620.937.000
Số tiền vay đã trả	(9.518.403.208)	(425.374.998)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(20.893.920.814)	(28.926.800.008)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>61.368.478.797</u></b>	<b><u>74.620.101.187</u></b>

**17c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Nhóm Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	3.661.357.242	25.854.666.554	668.750.000	30.184.773.796
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	13.522.509.616	23.626.155.880	816.268.624	37.964.934.120
Tăng khác	74.000.000	-	-	74.000.000
Chi quỹ trong năm	(8.423.065.092)	(14.034.393.000)	(1.029.018.624)	(23.486.476.716)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>8.834.801.766</u></b>	<b><u>35.446.429.434</u></b>	<b><u>456.000.000</u></b>	<b><u>44.737.231.200</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**19. Vốn chủ sở hữu****19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

<i>Năm trước</i>	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Quý đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>Cộng</i>
Số dư đầu năm	149.982.580.000	53.789.799.813	127.806.161.695	27.860.759.856	359.439.301.364
Lợi nhuận trong năm	-	-	72.542.078.737	5.517.664.030	78.059.742.767
Tăng vốn từ lợi nhuận và quỹ đầu tư phát triển	49.927.620.000	(19.937.430.000)	(29.990.190.000)	-	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận	-	-	(39.982.040.000)	(3.137.359.147)	(43.119.399.147)
Công ty mẹ trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	(14.852.075.186)	-	(14.852.075.186)
Công ty mẹ tạm trích các quỹ từ lợi nhuận năm nay	-	6.971.046.185	(27.990.681.183)	-	(21.019.634.998)
Công ty con trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	68.444.490	(154.111.226)	(82.307.255)	(167.973.991)
Công ty con tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm nay	-	526.108.957	(1.335.411.869)	(635.461.254)	(1.444.764.166)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	(109.672.870)	109.672.870	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>199.910.200.000</b>	<b>41.417.969.445</b>	<b>85.934.058.098</b>	<b>29.632.969.100</b>	<b>356.895.196.643</b>
<i>Năm nay</i>					
Số dư đầu năm	199.910.200.000	41.417.969.445	85.934.058.098	29.632.969.100	356.895.196.643
Lợi nhuận trong năm	-	-	71.535.050.918	5.058.652.808	76.593.703.726
Chia cổ tức từ lợi nhuận	-	-	(51.976.652.000)	(4.370.000.000)	(56.346.652.000)
Công ty mẹ trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	13.942.092.370	(27.641.286.897)	-	(13.699.194.527)
Công ty mẹ tạm trích các quỹ từ lợi nhuận năm nay	-	7.075.009.259	(29.989.342.592)	-	(22.914.333.333)
Công ty con trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	(197.708.070)	(165.224.122)	(362.932.192)
Công ty con trích thù lao cho HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm trước	-	-	(81.600.000)	(78.400.000)	(160.000.000)
Công ty con tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm nay	-	453.372.590	(1.021.745.179)	(420.101.479)	(988.474.068)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>199.910.200.000</b>	<b>62.888.443.664</b>	<b>46.560.774.278</b>	<b>29.657.896.307</b>	<b>339.017.314.249</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	117.970.500.000	117.970.500.000
Các cổ đông khác	81.939.700.000	81.939.700.000
<b>Cộng</b>	<b><u>199.910.200.000</u></b>	<b><u>199.910.200.000</u></b>

### 19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.991.020	19.991.020

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 19d. Phân phối lợi nhuận

#### Tại Công ty mẹ

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 như sau:

	<u>VND</u>
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 51.976.652.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 13.942.092.370
• Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi	: 13.699.194.527
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm nay	
• Trích quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	: 7.075.009.259
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (02 tháng lương bình quân của người lao động)	: 22.658.333.333
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (01 tháng lương bình quân của Viên chức quản lý)	: 256.000.000

#### Tại Công ty con

Trong năm, Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái đã phân phối lợi nhuận năm 2020 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 18 tháng 3 năm 2021 và Điều lệ Công ty như sau:

	<u>VND</u>
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	
• Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	: 194.040.807
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 7.400.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm nay	
• Trích quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	: 788.474.069
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% LNST)	: 788.474.068
• Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	: 200.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 09/NQ-ĐHCĐ-TCHL-2021 ngày 5 tháng 3 năm 2021 như sau:

	VND
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	2.500.000.000
• Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.663.568
• Trích thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	160.000.000
• Trích quỹ thường ban quản lý điều hành	166.227.817

#### 20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

##### *Ngoại tệ các loại*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 182.059,45 USD (số đầu năm là 216.348,28 USD).

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	51.505.727	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	800.462.873.625	768.721.495.771
<b>Cộng</b>	<b>800.514.379.352</b>	<b>768.721.495.771</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	302.389.305.750	263.671.532.094
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	606.440.907	4.166.770.856
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	-	10.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	2.023.497.096	1.323.037.237
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	596.427.481	918.404.971
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	-	130.300.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	8.000.000	8.500.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	98.325.000	323.631.818
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	42.119.365	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	16.228.248.258	34.528.339.995
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	9.681.818	2.218.182
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	40.600.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tân Cảng Cái Mép Thị Vải	270.531.250	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Tân Cảng	35.000.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	18.000.000	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	50.751.643	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	632.175.719.678	601.215.883.344
<b>Cộng</b>	<b><u>632.226.471.321</u></b>	<b><u>601.215.883.344</u></b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	8.137.857.193	8.342.682.226
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	95.031.946	115.672.421
<b>Cộng</b>	<b><u>8.232.889.139</u></b>	<b><u>8.458.354.647</u></b>

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	6.003.552.625	7.311.698.050
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	108.694.511	109.210.367
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	23.500.184	9.010.662
<b>Cộng</b>	<b><u>6.135.747.320</u></b>	<b><u>7.429.919.079</u></b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.093.778.521	5.705.557.160
Các chi phí khác	5.330.559.283	4.935.830.809
<b>Cộng</b>	<b><u>9.424.337.804</u></b>	<b><u>10.641.387.969</u></b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	16.415.547.457	17.212.740.154
Chi phí vật liệu quản lý	951.279.828	658.192.454
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.629.513.950	1.810.865.066
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.210.783.268	1.264.092.363
Thuế, phí và lệ phí	166.185.849	150.900.857
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.931.203.003	873.781.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.758.909.678	5.064.000.126
Các chi phí khác	33.242.786.992	30.592.711.220
<b>Cộng</b>	<b><u>60.306.210.025</u></b>	<b><u>57.627.283.246</u></b>

#### 7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	27.829.034
Thu tiền phạt nhiên liệu đội cơ giới	258.800.000	217.417.687
Tiền bồi thường	208.626.218	235.647.813
Các khoản thu nhập khác	87.242.231	178.988.921
<b>Cộng</b>	<b><u>554.668.449</u></b>	<b><u>659.883.455</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi thưởng tiết kiệm nhiên liệu	289.890.417	276.034.626
Chi phí bồi thường tổn thất hàng hóa	653.502.050	1.029.457.846
Thuế bị phạt, bị truy thu	86.891.568	50.463.107
Các khoản chi phí khác	455.985.555	376.631.911
<b>Cộng</b>	<b><u>1.486.269.590</u></b>	<b><u>1.732.587.490</u></b>

### 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(1.065.646.778)	(666.384.066)
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	666.384.066	903.249.698
<b>Cộng</b>	<b><u>(399.262.712)</u></b>	<b><u>236.865.632</u></b>

### 10. Lãi trên cổ phiếu

#### 10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	71.535.050.918	72.542.078.737
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(23.482.705.922)	(35.807.440.507)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ Ban điều hành</i>	(23.482.705.922)	(35.807.440.507)
Trong đó		
<i>Tại Công ty mẹ</i>	(22.914.333.333)	(34.718.829.525)
<i>Tại các Công ty con</i>	(568.372.589)	(1.088.610.982)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	48.052.344.996	36.734.638.230
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	19.991.020	19.991.020
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.404</u></b>	<b><u>1.838</u></b>

#### 10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.537 VND xuống còn 1.838 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.110.663.798	71.487.938.698
Chi phí nhân công	184.628.989.594	184.521.266.368
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.668.364.416	60.668.199.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	338.399.588.779	294.051.441.560
Chi phí khác	59.098.660.920	56.995.279.763
<b>Cộng</b>	<b><u>701.906.267.507</u></b>	<b><u>667.724.126.287</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát*

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thưởng BDH</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Năm nay</b>					
<b>Hội đồng quản trị</b>					
Ông Ngô Văn Ngự - Chủ tịch HĐQT	591.285.965	262.527.278	38.006.757	-	891.820.000
Ông Trịnh Văn Mọi - Thành viên HĐQT	-	-	54.295.367	60.000.000	114.295.367
Ông Đỗ Xuân Minh - Thành viên HĐQT	-	-	54.295.367	60.000.000	114.295.367
Ông Trần Quang Thảo - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	515.546.870	228.143.343	68.774.131	60.000.000	872.464.344
Ông Đoàn Phi - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	397.373.793	179.613.095	57.915.058	60.000.000	694.901.946
<b>Ban Kiểm soát</b>					
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Trưởng BKS (từ 17/6/2021)	-	-	-	30.000.000	30.000.000
Bà Mai Thị Trâm - Trưởng BKS (đến 17/6/2021)	-	-	23.527.992	30.000.000	53.527.992
Ông Nguyễn Hồng Sơn - Thành viên BKS	-	-	7.239.382	30.000.000	37.239.382
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thành viên BKS (từ 17/6/2021)	-	-	-	15.000.000	15.000.000
Ông Ngô Đa NghiêM Minh - Thành viên BKS (đến 17/6/2021)	119.504.176	62.598.539	12.668.919	15.000.000	209.771.634
<b>Ban Giám đốc</b>					
Ông Nguyễn Duy Thanh - Phó Giám đốc (đến 28/4/2021)	133.499.761	120.805.126	47.055.985	-	301.360.872
Ông Bùi Văn Bằng - Phó Giám đốc (từ 11/5/2021)	236.640.372	57.693.162	-	-	294.333.534
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên - Kế toán trưởng	286.496.102	142.375.133	43.436.293	30.000.000	502.307.528
<b>Cộng</b>	<u>2.280.347.039</u>	<u>1.053.755.676</u>	<u>407.215.251</u>	<u>390.000.000</u>	<u>4.131.317.966</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Tiền lương	Thưởng	Thưởng BDH	Thù lao	Cộng thu nhập
<b>Năm trước</b>					
<b>Hội đồng quản trị</b>					
Ông Võ Đắc Thiệu - Chủ tịch HDQT (đến 26/6/2020)	-	-	64.465.051	40.000.000	104.465.051
Ông Ngô Văn Ngự - Chủ tịch HDQT (từ 26/6/2020)	351.288.101	242.691.176	-	-	593.979.277
Ông Trịnh Văn Mọi - Thành viên HDQT	-	-	46.046.465	60.000.000	106.046.465
Ông Đỗ Xuân Minh - Thành viên HDQT	-	-	46.046.465	60.000.000	106.046.465
Ông Trần Quang Thảo - Thành viên HDQT kiêm Giám đốc	508.032.997	454.923.182	58.325.522	60.000.000	1.081.281.701
Ông Đoàn Phi - Thành viên HDQT kiêm Phó Giám đốc	380.411.683	347.838.135	49.116.229	60.000.000	837.366.047
<b>Ban Kiểm soát</b>					
Bà Mai Thị Trâm - Trưởng BKS	-	-	19.953.468	60.000.000	79.953.468
Ông Nguyễn Hồng Sơn - Thành viên BKS	-	-	-	15.000.000	15.000.000
Ông Ngô Đa Nghiêm Minh - Thành viên BKS	247.554.168	181.212.611	10.744.175	30.000.000	469.510.954
Bà Trần Hồng Diễm - Thành viên BKS (đến 26/6/2020)	-	-	10.744.175	15.000.000	25.744.175
<b>Ban Giám đốc</b>					
Ông Nguyễn Duy Thanh -Phó Giám đốc	419.159.302	382.105.350	39.906.936	-	841.171.588
Ông Nguyễn Thành Nhân-Phó Giám đốc (đến 16/6/2020)	163.345.441	133.379.730	39.906.936	-	336.632.107
Ông Nguyễn Việt Thắng - Phó Giám đốc (đến 04/12/2020)	56.000.000	-	-	-	56.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên -Kế toán trưởng	281.143.450	269.681.453	36.837.172	-	587.662.075
<b>Cộng</b>	<b>2.406.935.142</b>	<b>2.011.831.637</b>	<b>422.092.594</b>	<b>400.000.000</b>	<b>5.240.859.373</b>

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với nhóm Công ty gồm:

**Bên liên quan khác**

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn  
 Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần  
 Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng  
 Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng  
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng  
 Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép  
 Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng  
 Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng  
 Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng  
 Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung  
 Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình  
 Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước  
 Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng  
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	Công ty cùng Tập đoàn

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i></b>		
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ	22.875.988.412	23.326.322.552
Công ty mẹ cho thuê Cơ sở Hạ tầng	27.060.000.000	21.600.000.000
Chia cổ tức cho Công ty mẹ	30.672.330.000	23.594.100.000
<b><i>Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	6.184.602.892	4.471.905.800
Mua phần mềm	5.844.737.216	2.552.109.506
<b><i>Mua hàng và sử dụng dịch vụ của các bên liên quan khác như sau:</i></b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	17.723.545.756	18.394.536.390
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	-	2.240.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	249.861.447	352.213.290
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.256.654.682	1.195.710.500
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	2.833.329.303	2.846.692.362
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	150.522.546	227.849.090
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	1.419.345.000	1.427.265.500
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	71.571.000	89.304.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	154.400.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	168.323.000	331.854.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	1.680.363.637	2.901.172.727
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	-	486.820.503

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Bay và Du lịch biển Tân Cảng	1.708	5.995.994
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	2.729.604.144	2.622.819.673
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	366.364	28.357.272
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	58.703.421	-

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.13, V.15 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Cam kết thuê tài sản dài hạn

Theo hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 759/KVTC-HL ngày 19, 20 tháng 12 năm 2019, Công ty thuê đất của Công ty TNHH Hiệp Lực tại xã Thạnh Mỹ Lợi, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh kho bãi container. Thời hạn thuê 10 năm kể từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/01/2030. Hợp đồng không hủy ngang. Trong 05 năm đầu, đơn giá thuê là 562.938.000 VND/tháng (bao gồm cả VAT). Đơn giá thuê 05 năm sau sẽ được điều chỉnh theo sự thống nhất của hai bên. Công ty đã thanh toán trước cho Công ty TNHH Hiệp Lực tiền thuê 48 tháng và trừ dần theo hóa đơn xuất hàng quý cho tới hết năm thuê thứ 04 (Xem thuyết minh V.4a, V.4b).

## 3. Thông tin về bộ phận

Nhóm Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Trần Quang Thảo